

PHỤ LỤC 8B

CÁC DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Điều 1: Các khái niệm

Vì mục đích của Phụ lục này:

- (a) **hướng đến giá thành** là dựa trên cơ sở giá thành, và có thể bao gồm lãi hợp lý và có thể dựa trên các phương pháp tính giá khác nhau đối với các dịch vụ và hạ tầng kỹ thuật khác nhau;
- (b) **người dùng cuối cùng** là thuê bao hoặc người tiêu dùng cuối cùng mạng hoặc dịch vụ viễn thông công cộng, bao gồm nhà cung cấp dịch vụ mà không phải là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoặc mạng viễn thông công cộng;
- (c) **trang thiết bị thiết yếu** là các các trang thiết bị thiết yếu của một mạng hay dịch vụ viễn thông công cộng mà:
 - (i) do một hoặc một số lượng hạn chế các nhà cung cấp trên cơ sở độc quyền hoặc chi phối; và
 - (ii) không thể khả thi về mặt kinh tế hoặc kỹ thuật để cung cấp dịch vụ;
- (d) **kết nối** là việc liên kết với các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng nhằm cho phép người sử dụng của một nhà cung cấp này liên lạc với người sử dụng của nhà cung cấp khác và truy nhập vào các dịch vụ của nhà cung cấp khác;
- (e) **dịch vụ chuyển vùng di động quốc tế** là dịch vụ di động thương mại được cung cấp theo thỏa thuận thương mại giữa các nhf cung cấp dịch vụ hay mạng viễn thông công cộng mà cho phép người sử dụng cuối cùng sử dụng các thiết bị đầu cuối của doanh nghiệp trong nước để gọi điện, truyền số liệu hay nhắn tin trong khi họ đang ở ngoài nước ngoài;
- (f) **kênh thuê riêng** là trang thiết bị viễn thông giữa hai hay nhiều điểm xác định được thiết lập dành riêng, hoặc dành sẵn cho người sử dụng nhất định;

- (g) **giấy phép** là bất cứ sự cho phép nào của một Bên có thể yêu cầu một thể nhân, theo quy định nội luật của mình, để cung cấp dịch vụ hoặc mạng viễn thông, bao gồm việc nhượng quyền, cho phép hoặc đăng ký;¹
- (h) **nhà cung cấp chủ đạo** là nhà cung cấp dịch vụ hoặc mạng viễn thông có khả năng tác động đáng kể, về giá và việc cung cấp, tới các điều kiện tham gia vào thị trường liên quan đến dịch vụ hoặc mạng viễn thông công cộng thông qua việc: (i) kiểm soát các trang thiết bị thiết yếu; hoặc (ii) sử dụng vị trí của mình trong thị trường đó;
- (i) **không phân biệt đối xử** là hành vi đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho bất cứ người sử dụng mạng hoặc dịch vụ viễn thông công cộng cùng loại trong cùng một điều kiện hoàn cảnh;
- (j) **chuyển mạng giữ số** là khả năng của người sử dụng cuối cùng dịch vụ viễn thông công cộng có thể giữ nguyên số điện thoại cũ khi chuyển đổi giữa các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng;
- (k) **chung điểm đặt thiết bị thực** là việc tiếp cận vào không gian dưới sự sở hữu hoặc kiểm soát và sử dụng của nhà cung cấp chủ đạo để lắp đặt, duy tu bảo dưỡng hoặc sửa chữa thiết bị nhằm cung cấp các dịch vụ viễn thông công cộng;
- (l) **mạng viễn thông công cộng** là hạ tầng viễn thông công cộng được sử dụng để cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng giữa các điểm kết cuối mạng xác định;
- (m) **dịch vụ viễn thông công cộng** là bất kỳ dịch vụ viễn thông nào, được chỉ ra cụ thể hoặc đã có trên thực tiễn, mà một Bên yêu cầu phải được cung cấp cho công chúng nói chung. Những dịch vụ này có thể bao gồm điện thoại, điện báo và truyền dữ liệu, thường là liên quan đến việc truyền dẫn thông tin của khách hàng giữa hai hay nhiều điểm xác định mà không có bất kỳ thay đổi về định dạng hay nội dung thông của khách hàng;
- (n) **viễn thông** là việc truyền và nhận tín hiệu bằng bất kỳ phương tiện điện từ trường nào;
- (o) **cơ quan quản lý viễn thông** là bất kỳ cơ quan nào có trách nhiệm, theo nội luật của một Bên, đối với lĩnh vực viễn thông; và

¹ Đối với Thailand, nhượng quyền không bao gồm trong khái niệm giấy phép cho đến 2022.

- (p) **người sử dụng** là người sử dụng cuối cùng hoặc nhà cung cấp dịch vụ hoặc mạng viễn thông công cộng.

Điều 2: Phạm vi

1. Phụ lục này điều chỉnh các biện pháp của một Bên có ảnh hưởng đến thương mại dịch vụ viễn thông công cộng, bao gồm:
 - (a) các biện pháp liên quan đến truy cập và sử dụng dịch vụ hoặc mạng viễn thông công cộng; và
 - (b) các biện pháp liên quan đến nghĩa vụ của các nhà cung cấp dịch vụ hoặc mạng viễn thông công cộng.
2. Phụ lục này không áp dụng đối với các biện pháp liên quan đến việc phân phối các chương trình phát thanh hoặc truyền hình qua cáp hoặc quản bá, trừ các nhà cung cấp dịch vụ phát thanh hoặc truyền hình có quyền được truy cập và sử dụng mạng và dịch vụ viễn thông.
3. Phụ lục này không có quy định nào được hiểu là:
 - (a) yêu cầu một Bên phải cấp phép cho nhà cung cấp dịch vụ của Bên khác thiết lập, xây dựng, mua, thuê, khai thác hoặc cung cấp mạng hoặc dịch vụ viễn thông, khác với các dịch vụ khác với biểu cam kết của Bên đó tại Chương 8 (Thương mại dịch vụ); hoặc
 - (b) yêu cầu một Bên, hoặc yêu cầu một Bên buộc nhà cung cấp dịch vụ trên lãnh thổ nước mình thiết lập, xây dựng, mua, thuê, khai thác hoặc cung cấp các dịch vụ hoặc mạng viễn thông không được cung cấp ra công cộng.

Điều 3: Tiếp cận quản lý

1. Các Bên công nhận giá trị của các thị trường cạnh tranh cung cấp sự lựa chọn rộng rãi trong việc cung cấp các dịch vụ viễn thông, và nâng cao phúc lợi cho người tiêu dùng, và do đó cơ chế quản lý có thể không cần thiết nếu thị trường cạnh tranh đang có hiệu quả. Theo đó, các Bên công nhận mỗi Bên có thể xác định cách thức để thực thi các nghĩa vụ quy định trong Phụ lục này.
2. Trên cơ sở đó, các Bên công nhận quyền của một Bên có thể:

- (a) áp dụng các biện pháp quản lý trực tiếp đối với cả vấn đề mà Bên đó dự báo sẽ nảy sinh hoặc để giải quyết vấn đề đã nảy sinh trên thị trường; hoặc
 - (b) dựa vào vai trò của quy luật thị trường, cụ thể đối với các phân khúc thị trường có, hoặc có thể, mang tính cạnh tranh hoặc có rào cản thâm nhập thị trường thấp như các dịch vụ được cung cấp bởi các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông mà không có hạ tầng mạng.
3. Để chắc chắn hơn, một Bên nếu không sử dụng cách tiếp cận quản lý quy định tại Điều này thì phải tuân thủ theo các nghĩa vụ quy định trong Phụ lục này.

Điều 4: Truy cập và sử dụng²

1. Mỗi Bên phải bảo đảm rằng bất kỳ nhà cung cấp dịch vụ nào của Bên khác được quyền truy cập và sử dụng các dịch vụ và mạng viễn thông công cộng, bao gồm cả kênh thuê riêng, được chào bán trong phạm vi lãnh thổ quốc gia hoặc qua biên giới của quốc gia mình, trên cơ sở kịp thời, và với những điều kiện và điều khoản hợp lý, không phân biệt đối xử, và minh bạch trong cả các khoản từ khoản 2 đến 6.
2. Phù hợp với các khoản 5 và 6, mỗi Bên có trách nhiệm đảm bảo cho các nhà cung cấp dịch vụ của Bên khác được phép:
 - (a) mua hoặc thuê và kèm theo thiết bị đầu cuối hoặc thiết bị khác để giao diện với mạng viễn thông công cộng, và từ đó tạo sự cần thiết để cung cấp các dịch vụ của mình;
 - (b) kết nối kênh thuê riêng của mình với mạng và dịch vụ viễn thông công cộng hoặc với kênh thuê riêng của nhà cung cấp dịch vụ khác;³ và
 - (c) sử dụng các giao thức khai thác do mình lựa chọn.

² Để chắc chắn hơn, Điều này không cấm bất kỳ Bên nào được quyền yêu cầu các nhà cung cấp dịch vụ phải có giấy phép cung cấp dịch vụ hoặc mạng viễn thông trên lãnh thổ quốc gia mình.

³ Đối với Việt Nam, các mạng được phép thiết lập với mục đích thực hiện, trên cơ sở phi thương mại, việc liên lạc thoại và truyền dữ liệu giữa các thành viên thuộc một nhóm sử dụng đồng chỉ có thể kết nối trực tiếp với nhau nếu được chấp nhận bằng văn bản của cơ quan quản lý viễn thông. Việt Nam đảm bảo rằng khi có yêu cầu, nhà cung cấp dịch vụ đó sẽ nhận được lý do giải thích về việc từ chối cấp phép đó. Việt Nam sẽ xem xét lại yêu cầu phải có sự chấp nhận bằng văn bản trong thời hạn hai năm kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực đối với Việt Nam.

3. Mỗi Bên phải bảo đảm rằng các nhà cung cấp dịch vụ của Bên khác có thể sử dụng mạng và dịch vụ viễn thông công cộng để lưu chuyển thông tin trong lãnh thổ hoặc qua biên giới của mình, bao gồm cả thông tin liên lạc nội bộ công ty, và tiếp cận thông tin có trong các cơ sở dữ liệu hoặc được lưu trữ dưới hình thức đọc được trên máy ở lãnh thổ quốc gia của bất kỳ Bên nào.
4. Ngoài khoản 3, một Bên có thể đưa ra các biện pháp cần thiết để đảm bảo an toàn, an ninh và bảo mật các bản tin và để bảo vệ thông tin cá nhân của người sử dụng cuối cùng mạng hoặc dịch vụ viễn thông công cộng, nhưng những biện pháp đó không được quy định để tạo ra sự phân biệt đối xử tùy tiện hoặc vô lý, hoặc cản trở thương mại dịch vụ một cách trá hình.
5. Mỗi Bên phải bảo đảm không áp đặt điều kiện nào đối với việc truy cập và sử dụng các dịch vụ và mạng viễn thông công cộng, trừ khi cần thiết để:
 - (a) bảo hộ các trách nhiệm dịch vụ công của các nhà cung cấp mạng và dịch vụ viễn thông công cộng, cụ thể là khả năng cung cấp mạng hoặc dịch vụ của họ nói chung cho cộng đồng; hoặc
 - (b) bảo vệ tính đồng bộ kỹ thuật mạng hoặc dịch vụ viễn thông công cộng.
6. Trên cơ sở đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 5, các điều kiện đối với việc truy cập và sử dụng các dịch vụ và mạng viễn thông công cộng có thể bao gồm:
 - (a) yêu cầu sử dụng giao diện kỹ thuật được quy định, bao gồm giao thức giao diện, để kết nối với các mạng hoặc dịch vụ viễn thông công cộng;
 - (b) yêu cầu, khi cần thiết, đối với tính tương thích liên thông khai thác mạng và dịch vụ viễn thông công cộng, và khuyến khích việc thực hiện các mục tiêu quy định tại Điều 17 (Quan hệ với các tổ chức quốc tế);
 - (c) đặt ra thủ tục phê duyệt các thiết bị đầu cuối mà có giao diện với mạng viễn thông công cộng và đặt ra các yêu cầu kỹ thuật liên quan đến các tài liệu đính kèm các thiết bị đó để kết nối với mạng viễn thông công cộng;

- (d) hạn chế việc kết nối kênh thuê riêng của nhà cung cấp dịch vụ đó với mạng hoặc dịch vụ viễn thông công cộng hoặc với kênh thuê riêng của nhà cung cấp dịch vụ khác; hoặc
- (e) yêu cầu đối với thủ tục thông báo và cấp phép.

Điều 5: Chuyển mạng giữ số⁴

Mỗi Bên phải bảo đảm rằng các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng trong phạm vi lãnh thổ quốc gia mình phải cung cấp khả năng chuyển mạng giữ số đối với dịch vụ di động, trên cơ sở có tính khả thi về mặt kinh tế và kỹ thuật, trên cơ sở kịp thời, và trên các điều khoản và điều kiện hợp lý và không phân biệt đối xử.

Điều 6: Bảo hộ cạnh tranh

1. Mỗi Bên phải duy trì các biện pháp thích hợp nhằm mục đích ngăn chặn các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng, một mình hoặc cùng nhau, thành nhà cung cấp chủ đạo trong lãnh thổ của mình tham gia vào hoặc tiếp tục các hành vi phi cạnh tranh.
2. Các hành vi phi cạnh tranh được nêu tại khoản 1 bao gồm cụ thể như sau:
 - (a) tham gia vào việc trợ cấp chéo phi cạnh tranh;
 - (b) sử dụng thông tin thu được từ các đối thủ cạnh tranh với mục đích phi cạnh tranh; và
 - (c) không đưa ra, một cách kịp thời, cho các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng các thông tin kỹ thuật về cơ sở trang thiết bị thiết yếu và thông tin thương mại có liên quan cần thiết cho việc cung cấp dịch vụ của họ.

Điều 7: Đối xử của các nhà cung cấp chủ đạo

Mỗi Bên phải bảo đảm rằng nhà cung cấp chủ đạo trên lãnh thổ quốc gia mình dành cho các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng của Bên khác sự đối xử không kém thuận lợi hơn so với sự đối xử mà nhà cung cấp chủ đạo đó, trong cùng một điều kiện hoàn cảnh, dành cho các công ty con, nhà cung cấp dịch vụ liên kết hoặc không liên kết của mình liên quan đến:

⁴ Điều này không áp dụng đối với Cambodia, Indonesia, Lao PDR, và Myanmar.

- (a) khả năng sẵn có, việc cung cấp, giá cước hoặc chất lượng dịch vụ viễn thông công cộng cùng loại; và
- (b) khả năng sẵn có của các giao diện kỹ thuật cần thiết dành cho kết nối.

Điều 8: Bán lại

Mỗi Bên có thể quyết định, phù hợp với luật trong nước của mình, các dịch vụ viễn thông công cộng của các nhà cung cấp chủ đạo phải được chào bán theo hình thức bán lại dựa trên nhu cầu thúc đẩy cạnh tranh hoặc đem lại lợi ích lâu dài cho người sử dụng cuối cùng. Bên nào có quyết định về dịch vụ viễn thông của các nhà cung cấp chủ đạo phải cung cấp hình thức bán lại, sẽ phải đảm bảo các nhà cung cấp chủ đạo đó không được đặt ra các điều kiện hoặc những hạn chế bất hợp lý hoặc phân biệt đối xử khi cung cấp hình thức bán lại dịch vụ đó.

Điều 9: Kết nối⁵

Trách nhiệm chung đối với các nhà cung cấp dịch vụ hoặc mạng viễn thông công cộng

1. Mỗi Bên có trách nhiệm đảm bảo rằng nhà cung cấp dịch vụ hoặc mạng viễn thông trên lãnh thổ quốc gia mình phải cung cấp kết nối với các nhà cung cấp dịch vụ hoặc mạng viễn thông công cộng của Bên khác.
2. Mỗi Bên có trách nhiệm rằng nhà cung cấp dịch vụ hoặc mạng viễn thông công cộng trên lãnh thổ quốc gia mình không được sử dụng hoặc cung cấp các thông tin nhạy cảm thương mại hoặc thông tin bảo mật của người sử dụng hoặc thông tin liên quan đến người sử dụng, mà nhà cung cấp dịch vụ đó có được thông qua các thoả thuận kết nối, ngoài mục đích cung cấp các dịch vụ kết nối đó.

Trách nhiệm liên quan đến nhà cung cấp chủ đạo

3. Mỗi Bên phải bảo đảm rằng nhà cung cấp chủ đạo trên lãnh thổ quốc gia mình phải cung cấp kết nối cho các trang thiết bị mạng lưới của các nhà cung cấp mạng và dịch vụ viễn thông công cộng của Bên khác tại bất cứ điểm nào có khả thi về kỹ thuật trên mạng lưới của nhà cung cấp chủ đạo. Kết nối đó sẽ được cung cấp:

⁵ Để chắc chắn hơn, từ “kết nối”, được sử dụng trong Phụ lục này không bao gồm việc truy cập vào các phần tử mạng được phân tách.

- (a) theo những điều kiện, điều khoản (bao gồm các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật), và giá cước không phân biệt đối xử;⁶
 - (b) với chất lượng không kém hơn so với chất lượng dịch vụ cùng loại mà nhà cung cấp chủ đạo đó cung cấp cho mình, cho các nhà cung cấp dịch vụ không liên kết, hoặc cho công ty con của mình hoặc cho các nhà liên kết khác;
 - (c) trên cơ sở kịp thời, và các điều kiện và điều khoản (bao gồm cả các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật), và với giá cước hướng giá thành, minh bạch, hợp lý, có tính đến tính khả thi về mặt kinh tế, và được phân tách hợp lý để nhà cung cấp dịch hoặc mạng viễn thông công cộng của Bên khác không phải trả tiền cho những phần tử mạng hay thiết bị mà không tham gia vào việc cung cấp dịch vụ đó; và
 - (d) theo yêu cầu, tại những điểm phát sinh để cung cấp theo ưu tiên của các nhà cung cấp dịch vụ và mạng viễn thông công cộng, theo giá cước phá anh trên giá xây dựng và các trang thiết bị đầu tư bổ sung cần thiết.
4. Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng nhà cung cấp chủ đạo trên lãnh thổ quốc gia mình cung cấp cho nhà cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng của Bên khác cơ hội để kết nối trang thiết bị của họ với trang thiết bị của nhà cung cấp chủ đạo thông qua ít nhất một trong những lựa chọn sau:
- (a) thoả thuận kết nối mẫu mà được cơ quan quản lý viễn thông của Bên đó phê duyệt hoặc bất cứ thoả thuận kết nối nào khác với giá cước, các điều kiện và điều khoản mà nhà cung cấp chủ đạo chào ra thị trường cho các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng;
 - (b) các điều kiện và điều khoản trong thoả thuận kết nối đang có hiệu lực; hoặc
 - (c) thoả thuận kết nối mới thông qua đàm phán thương mại.
5. Mỗi bên sẽ đảm bảo rằng các thủ tục áp dụng đối với kết nối với nhà cung cấp chủ đạo phải được công khai.

⁶ Để chắc chắn hơn, cước kết nối có thể được thống nhất thông qua đàm phán thương mại giữa các nhà cung cấp dịch vụ hoặc mạng viễn thông công cộng.

6. Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng nhà cung cấp chủ đạo trên lãnh thổ quốc gia mình phải công khai các thoả thuận kết nối hoặc thoả thuận kết nối mẫu hoặc thoả thuận kết nối khác.

Điều 10: Cung cấp và giá cước dịch vụ kênh thuê riêng

Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng nhà cung cấp chủ đạo trên lãnh thổ quốc gia mình phải cung cấp cho nhà cung cấp dịch vụ hoặc mạng viễn thông công cộng của Bên khác dịch vụ kênh thuê riêng mà được quy định là dịch vụ viễn thông công cộng trên cơ sở kịp thời, và với điều kiện và điều khoản, với giá cước hợp lý, không phân biệt đối xử, và minh bạch.

Điều 11: Chung điểm đặt thiết bị

1. Mỗi bên sẽ đảm bảo rằng nhà cung cấp chủ đạo khi kiểm soát các trang thiết bị thiết yếu trên lãnh thổ quốc gia mình cho phép nhà cung cấp dịch vụ hay mạng viễn thông công cộng của bên khác dùng chung điểm đặt thiết bị thực để đặt thiết bị cần thiết cho việc kết nối trên cơ sở kịp thời, và với điều kiện và điều khoản (bao gồm tính khả thi về mặt kỹ thuật và không gian có sẵn để đặt) và với giá cước hợp lý, không phân biệt đối xử, và minh bạch.
2. Trường hợp chung điểm đặt thực không khả thi vì lý do kỹ thuật hoặc vì hạn chế không gian đặt thiết bị, mỗi bên sẽ nỗ lực cung cấp các giải pháp thay thế trên cơ sở kịp thời, và với điều kiện và điều khoản và giá cước hợp lý, không phân biệt đối xử, và minh bạch.
3. Một bên có thể quyết định, theo luật trong nước của Bên đó, địa điểm nào do nhà cung cấp chủ đạo sở hữu hoặc kiểm soát trên lãnh thổ quốc gia mình buộc phải tuân thủ khoản 1 và 2, có xem xét đến các yếu tố như tình hình cạnh tranh trong thị trường mà chung điểm đặt thiết bị đặt ra, và vị trí đặt thiết bị chung đó có khả thi về mặt kinh tế hay kỹ thuật hay không khi cung cấp dịch vụ cạnh tranh.

Điều 12: Cơ quan quản lý viễn thông độc lập

1. Mỗi bên sẽ đảm bảo cơ quan quản lý viễn thông của mình sẽ phải động lập, và không có trách nhiệm đối với bất kỳ nhà cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng nào.
2. Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng các quyết định quản lý nhà nước, và các thủ tục được áp dụng, của cơ quan quản lý viễn thông đó phải công tâm với tất cả các bên tham gia thị trường.

Điều 13: Dịch vụ phổ cập

Mỗi Bên có quyền xác định các loại nghĩa vụ dịch vụ phổ cập mà Bên đó muốn duy trì. Các nghĩa vụ đó sẽ không được áp dụng như một cách phi cạnh tranh, và được quản lý một cách minh bạch, không phân biệt đối xử và trung lập cạnh tranh, và không thành gánh nặng hơn mức cần thiết đối với các loại dịch vụ phổ cập mà Bên đó đã xác định.

Điều 14: Cấp phép

1. Trường hợp thủ tục cấp phép qui định đối với nhà cung cấp dịch vụ hay mạng viễn thông công cộng, Bên đó sẽ đảm bảo công khai:
 - (a) các tiêu chí cấp phép và các thủ tục áp dụng;⁷
 - (b) thời gian thông thường để đi đến một quyết định liên quan đến đơn xin cấp phép; và
 - (c) các điều kiện và điều khoản chung đối với giấy phép.
2. Bên có quy định cấp phép sẽ thông báo cho người xin cấp phép ngay khi có quyết định, không chậm trễ.
3. Bên có quy định cấp phép đảm bảo rằng, trên cơ sở yêu cầu, người xin cấp phép phải nhận được các lý do nếu:
 - (a) từ chối cấp phép;
 - (b) áp đặt các điều kiện cho nhà cung cấp dịch vụ cụ thể đối với giấy phép;
 - (c) từ chối gia hạn giấy phép; hoặc
 - (d) rút giấy phép.

Điều 15: Phân bổ và sử dụng các nguồn tài nguyên quý hiếm

⁷ For greater certainty, this subparagraph includes any fee for applying for or obtaining a licence.

1. Mỗi bên sẽ quản lý các thủ tục của mình đối với việc phân bổ và sử dụng các nguồn tài nguyên viễn thông quý hiếm, bao gồm tần số và kho số một cách vô tư, kịp thời, minh bạch và không phân biệt đối xử.

Phổ tần số

2. Mỗi Bên phải công bố công khai hiện trạng các băng tần được phân bổ, nhưng không phải công bố công khai chi tiết các băng tần phân bổ cho các mục tiêu sử dụng của Nhà nước.
3. Để chắc chắn hơn, các biện pháp phân bổ và ấn định tần số và quản lý tần số của một Bên bản thân nó không mâu thuẫn với Điều 8.5 (Tiếp cận thị trường). Theo đó, mỗi Bên giữ quyền thiết lập và áp dụng các chính sách quản lý tần số và phổ tần mà có thể có tác động đến việc hạn chế số lượng các nhà cung cấp dịch vụ hoặc mạng viễn thông công cộng, quy định rằng Bên đó thực hiện theo cách thức phù hợp với các quy định của Chương 8 (Thương mại dịch vụ). Quyền này bao gồm khả năng phân bổ băng tần có xem xét đến nhu cầu hiện tại và tương lai và nguồn tài nguyên tần số sẵn có.
4. Khi phân bổ tần số cho các dịch vụ viễn thông thương mại, mỗi Bên sẽ nỗ lực dựa trên quy trình minh bạch, có xem xét đến mối quan tâm của cộng đồng, bao gồm cả việc thúc đẩy cạnh tranh. Mỗi Bên sẽ nỗ lực dựa trên các cách thức tiếp cận thị trường trong việc ấn định phổ tần cho các dịch vụ viễn thông thương mại mặt đất, nếu phù hợp. Để thực hiện điều này, mỗi Bên sẽ có thể sử dụng các cơ chế như đấu giá, phí hành chính khuyến khích, hoặc sử dụng không phép, nếu thích hợp, để ấn định phổ tần cho việc sử dụng thương mại.

Kho số

5. Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng nhà cung cấp dịch vụ hay mạng viễn thông công cộng của Bên khác thành lập trên lãnh thổ quốc gia mình được hưởng quyền tiếp cận kho số điện thoại với cách thức không phân biệt đối xử.

Điều 16: Minh bạch

1. Mỗi Bên sẽ nỗ lực đảm bảo rằng khi cơ quan quản lý viễn thông của mình muốn tìm kiếm những góp ý đối với đề xuất dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, thì cơ quan đó phải cung cấp cho các nhà cung cấp dịch vụ hoặc mạng viễn thông công cộng của Bên khách trên lãnh thổ quốc gia mình cơ hội để góp ý.

2. Mỗi bên sẽ đảm bảo rằng các thông tin liên quan đến điều kiện ảnh hưởng đến việc truy cập và sử dụng dịch vụ hay mạng viễn thông công cộng phải được công khai, bao gồm:
- (a) bảng cước và các điều kiện và điều khoản liên quan đến dịch vụ;
 - (b) các thông số kỹ thuật liên quan đến giao diện với các mạng và dịch vụ đó;
 - (c) thông tin về cơ quan có trách nhiệm trong việc biên soạn hay thông qua các tiêu chuẩn ảnh hưởng tới truy cập và sử dụng dịch vụ;
 - (d) các điều kiện đối với các thiết bị đầu cuối hoặc các thiết bị khác; và
 - (e) những yêu cầu đặt ra đối với thủ tục thông báo hoặc cấp phép, nếu có.

Điều 17: Liên quan đến các tổ chức quốc tế

Các Bên thừa nhận tầm quan trọng của các tiêu chuẩn quốc tế đối với khả năng tương thích và liên thông giữa các mạng và dịch vụ viễn thông trên phạm vi toàn cầu và cam kết thúc đẩy những tiêu chuẩn này thông qua hoạt động tại các cơ quan quốc tế, bao gồm Liên minh viễn thông quốc tế (ITU) và Tổ chức tiêu chuẩn quốc tế (ISO).

Điều 18: Hệ thống cấp biển quốc tế

Trường hợp một Bên cấp phép cho một nhà cung cấp mạng hay dịch vụ viễn thông công cộng trên lãnh thổ quốc gia mình khai thác hệ thống cấp biển quốc tế như một dịch vụ hay mạng viễn thông công cộng thì Bên đó sẽ đảm bảo rằng nhà cung cấp dịch vụ hay mạng viễn thông công cộng đó dành quyền cho các nhà cung cấp dịch vụ hay mạng viễn thông công cộng của Bên khác những quyền tiếp cận hệ thống cấp biển trên nguyên tắc hợp lý và không phân biệt đối xử.^{8, 9, 10}

⁸ Để chắc chắn hơn, một Bên có thể quyết định điểm truy cập trên hệ thống cấp biển quốc tế sẽ được cung cấp quyền tiếp cận này.

⁹ Để chắc chắn hơn, Điều này không cấm một Bên đưa ra yêu cầu nhà cung cấp dịch vụ hay mạng viễn thông công cộng phải tuân thủ các biện pháp liên quan, bao gồm giấy phép, với quy định các biện pháp đó không được sử dụng như là biện pháp để tránh thực hiện nghĩa vụ của Bên đó theo Điều này.

¹⁰ Đối với Việt Nam,

- (i) Điều này chỉ áp dụng đối với trạm cập bờ hệ thống cấp biển trên lãnh thổ quốc gia mình;
- (ii) Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với nhà cung cấp chủ đạo mà sở hữu, kiểm soát hoặc vận hành hệ thống cấp biển quốc tế, bao gồm cả trạm cập bờ trên lãnh thổ quốc gia mình;

Điều 19: Phân tách phần tử mạng

Mỗi bên sẽ nỗ lực đảm bảo rằng nhà cung cấp chủ đạo trên lãnh thổ quốc gia mình phải chào dịch vụ truy cập các phần tử mạng trên cơ sở có phân tách với những điều khoản và điều kiện hợp lý, không phân biệt đối xử, và minh bạch đối với việc cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng. Một Bên có thể xác định các phần tử mạng phân tách yêu cầu phải công khai trên lãnh thổ quốc gia mình, và các nhà cung cấp dịch vụ hay mạng viễn thông công cộng đó có thể có được các phần tử mạng bóc tách này, theo quy định của pháp luật của Bên đó.¹¹

Điều 20: Tiếp cận Cột, Cổng và Bể cáp

1. Mỗi bên sẽ nỗ lực đảm bảo rằng nhà cung cấp chủ đạo trên lãnh thổ quốc gia mình phải cung cấp khả năng tiếp cận công, cột, bể cáp, hoặc bất cứ hạ tầng khác theo quy định của Bên đó, mà dưới sự sở hữu hoặc kiểm soát của nhà cung cấp chủ đạo đó, cho các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng của Bên khác trên lãnh thổ quốc gia mình, trên cơ sở kịp thời, và với điều kiện và điều khoản và giá cước hợp lý, không phân biệt đối xử, và minh bạch, trên cơ sở khả thi về mặt kỹ thuật.
2. Một Bên có thể quyết định, theo quy định trong nước củ mình, về cổng, cột, bể cáp, hoặc bất cứ hạ tầng nào khác mà buộc nhà cung cấp chủ đạo trên lãnh thổ quốc gia mình phải cung cấp khả năng tiếp cận như quy định tại khoản 1. Khi một bên đưa ra những quyết định này, Bên đó phải tham khảo những yếu tố như tác động đến cạnh tranh nếu thiếu việc tiếp cận này, liệu công trình xây dựng đó có thể được thay thế một cách khả thi về mặt kinh tế hay kỹ thuật để cung cấp dịch vụ cạnh tranh hay không, hoặc các yếu tố lợi ích công cộng đã được xác định khác

Điều 21: Lĩnh hoạt trong việc lựa chọn công nghệ

1. Các Bên sẽ không cấm nhà cung cấp dịch vụ hoặc mạng viễn thông công cộng việc có được sự linh hoạt lựa chọn công nghệ sử dụng để cung cấp dịch vụ của họ.

-
- (iii) Chung điểm đặt thiết bị tại trạm cáp bờ hệ thống cáp biển quốc tế mà được sở hữu, kiểm soát hoặc vận hành bởi nhà cung cấp chủ đạo trên lãnh thổ quốc gia mình sẽ không bao gồm hình thức chung điểm đặt thiết bị thực; và
 - (iv) Điều này không cấm Việt Nam được yêu cầu nhà cung cấp dịch vụ hoặc mạng viễn thông công cộng phải tuân thủ các biện pháp liên quan, bao gồm thủ tục cấp phép, được quy định rằng các biện pháp đó không được sử dụng như là biện pháp ngăn chặn việc tiếp cận hệ thống cáp biển quốc tế.

¹¹ Để chắc chắn hơn, phù hợp với Điều 3 (Cách tiếp cận quản lý), một Bên có thể xác định cách thức phù hợp để thực hiện nghĩa vụ của mình theo Điều này.

2. Ngoài khoản 1, một Bên có thể áp dụng biện pháp nhằm hạn chế các công nghệ mà nhà cung cấp dịch vụ hay mạng viễn thông công cộng có thể sử dụng để cung cấp dịch vụ của họ, nhưng quy định rằng biện pháp đó được xây dựng để thực hiện mục tiêu chính sách công chính đáng và không được dự thảo, thông qua hay áp dụng theo cách tạo ra những trở ngại không cần thiết đối với thương mại.

Điều 22: Chuyển vùng di động quốc tế

1. Các Bên sẽ nỗ lực hợp tác để thúc đẩy sự minh bạch và giá cước hợp lý đối với các dịch vụ chuyển vùng di động quốc tế mà có thể hỗ trợ thúc đẩy phát triển thương mại giữa các Bên và tăng cường an sinh xã hội cho người tiêu dùng.
2. Một Bên có thể tiến hành từng bước để tăng cường tính minh bạch và cạnh tranh đối với các dịch vụ chuyển vùng di động quốc tế, ví dụ như:
 - (a) đảm bảo thông tin liên quan đến giá cước bán lẻ được khác hàng dễ dàng tiếp cận; và
 - (b) giảm thiểu các trở ngại đối với chuyển vùng, theo đó người tiêu dùng khi đến một quốc gia khác có thể truy cập dịch vụ bằng việc sử dụng các thiết bị đầu cuối do họ lựa chọn.
3. Các Bên thừa nhận rằng một Bên, trong thẩm quyền của mình, có thể lựa chọn cách thúc đẩy cạnh tranh thông qua giá cước chuyển vùng di động quốc tế bao gồm thông qua các thoả thuận thương mại, hoặc ban hành hay duy trì các biện pháp liên quan đến giá cước bán buôn hoặc giá cước bán lẻ dịch vụ chuyển vùng di động quốc tế được duy trì ở mức hợp lý. Nếu một Bên thấy phù hợp, thì Bên đó có thể hợp tác với Bên khác để tạo cơ chế thực thi các biện pháp này, bao gồm việc đi đến thoả thuận hợp tác với các Bên đó.
4. Nếu một Bên (sau đây gọi tắt là “Bên thứ nhất” trong khoản này) lựa chọn quản lý cước hay các điều kiện đối với cước bản lẻ hoặc bán buôn dịch vụ chuyển vùng di động quốc tế, Bên đó sẽ đảm bảo rằng nhà cung cấp các dịch vụ viễn thông công cộng của Bên khác (sau đây gọi tắt là “Bên thứ hai” trong khoản này) được tiếp cận các quy định về giá cước bán buôn hoặc bản lẻ dịch vụ chuyển vùng di động quốc tế để cung cấp cho khách hàng của mình khi sang lãnh thổ quốc gia của Bên thứ nhất nếu Bên thứ hai có thoả thuận thương mại với Bên thứ nhất để quản lý giá cước bản lẻ hoặc bán buôn trên nguyên tắc có đi có lại cho các nhà cung cấp dịch vụ

của hai Bên.¹² Bên thứ nhất có thể yêu cầu nhà cung cấp dịch vụ của Bên thứ hai phải tiến hành đàm phán thương mại để đi đến thoả thuận về các điều khoản tiếp cận giá cước đó hoặc các điều kiện dịch vụ chuyển vùng đó.

5. Một Bên mà đảm bảo việc tiếp cận giá cước hoặc điều kiện đối với dịch vụ chuyển vùng di động quốc tế bán buôn hoặc bán lẻ tuân thủ khoản 4, sẽ được xem như đã tuân thủ Điều 8.6 (Đối xử tối huệ quốc), Điều 4 (Truy cập và sử dụng), and Điều 7 (Đối xử của nhà cung cấp chủ đạo), đối với các dịch vụ chuyển vùng di động quốc tế.
6. Không có quy định nào trong Điều này buộc một Bên phải quản lý cước hay điều kiện đối với dịch vụ chuyển vùng di động quốc tế.

Điều 23: Giải quyết tranh chấp viễn thông

1. Mỗi bên sẽ đảm bảo rằng nhà cung cấp dịch vụ hay mạng viễn thông công cộng của Bên khác có thể kịp thời nhờ đến cơ quan quản lý viễn thông hoặc cơ quan giải quyết tranh chấp của Bên đó giải quyết những tranh chấp phát sinh từ Phụ lục này, phù hợp với quy định nội luật của Bên đó.
2. Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng bất cứ nhà cung cấp dịch vụ hay mạng viễn thông công cộng nào mà bị ảnh hưởng bởi một quyết định hay phán quyết cuối cùng của cơ quan quản lý viễn thông liên quan của mình có thể đề nghị xem xét lại quyết định hay phán quyết đó theo quy định nội luật của Bên đó.
3. Không Bên nào cho phép việc đề nghị xem xét lại quyết định hay phán quyết làm cơ sở cho việc không thực hiện các phán quyết của cơ quan quản lý viễn thông đó cho đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

¹² Để chắc chắn hơn:

- (a) không Bên nào được, chỉ dựa trên bất kỳ nghĩa vụ nào mà Bên thứ nhất phải có theo điều khoản tối huệ quốc hoặc theo điều khoản không phân biệt đối xử dành riêng cho viễn thông, trong bất kỳ hiệp định thương mại quốc tế nào, tìm kiếm hoặc đạt được cho các nhà cung cấp của mình quyền truy cập vào các mức giá hoặc điều kiện quy định cho các dịch vụ chuyển vùng di động quốc tế bán buôn hoặc bán lẻ được quy định tại Điều này.
- (b) việc tiếp cận các mức giá hoặc điều kiện do Bên thứ nhất quy định sẽ chỉ dành cho nhà cung cấp của Bên thứ hai nếu các mức giá hoặc điều kiện được quy định có thể so sánh một cách hợp lý với các mức giá hoặc điều kiện được quy định có đi có lại theo thỏa thuận. Trong trường hợp có bất đồng, cơ quan quản lý viễn thông của Bên thứ nhất phải xác định xem giá cước hoặc điều kiện có thể so sánh hợp lý hay không. Theo mục đích của chú thích này, "giá cước hoặc điều kiện có thể so sánh hợp lý" có nghĩa là giá cước hoặc điều kiện được các nhà cung cấp liên quan đồng ý hoặc trong trường hợp có bất đồng, được cơ quan quản lý viễn thông của Bên thứ nhất xác định là hợp lý.